

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

VỀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI, BẢO ĐẢM CÔNG BẰNG XÃ HỘI TẠO ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY ĐẤT NƯỚC PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG

TS PHAN THANH GIẢN
Học viện Chính trị khu vực III

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển xã hội, bảo đảm công bằng xã hội

Từ rất sớm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ mục tiêu giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng con người vì sự phát triển, hướng tới cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc của Nhân dân. Xã hội chỉ có điều kiện phát triển thực sự khi dân tộc được độc lập, không còn chế độ bóc lột, con người được phát triển toàn diện. Khát vọng của Hồ Chí Minh là xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường, Người cho rằng: “Xây dựng chủ nghĩa xã hội là... làm cho xã hội không còn người bóc lột người, không còn đói rét, mọi người đều được ấm no và hạnh phúc”¹; chủ nghĩa xã hội là “xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt”²; “Là mọi người được ăn no mặc ấm, sung sướng, tự do”³; “Mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân”⁴. Vì vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu: “Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”⁵. Như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước, xây dựng và phát triển đất nước tiến lên xã hội chủ nghĩa (XHCN) thì người dân mới được bảo đảm việc làm, được “sung sướng, tự do”, được hưởng thụ một cách công bằng những thành quả

phát triển do chính mình làm ra. Theo Hồ Chí Minh, công bằng xã hội mà cốt lõi là công bằng về cơ hội phát triển cho mọi người với hệ giá trị về tự do, dân chủ và bình đẳng thực sự chỉ có trong chế độ mới dưới chế độ dân chủ cộng hòa: “Nhà nước ta ngày nay là của tất cả những người lao động... Nhân dân lao động là những người chủ tập thể của tất cả những của cải vật chất và văn hóa, đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”⁶.

Phát triển xã hội (PTXH) phải trên cơ sở nền kinh tế vững mạnh, Hồ Chí Minh chỉ ra quan điểm rất khoa học và thiết thực, đó là “nền kinh tế xã hội chủ nghĩa”, xét về bản chất nó phải được tạo lập trên cơ sở của chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất (TLSX) chủ yếu. Chỉ khi con người được làm chủ về TLSX thì họ mới có quyền được lao động và phân phối công bằng những của cải vật chất do chính họ làm ra; được tham gia vào công việc xã hội, phát triển và vận dụng những năng lực của mình với tư cách là chủ thể hoạt động thực tiễn. Việt Nam đi lên từ một nước nghèo nàn, nông nghiệp lạc hậu, chưa trải qua giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản thì công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một quy luật tất yếu, khách quan nhằm xây dựng nền tảng vật chất của chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đời sống nhân dân chỉ có thể thật dồi dào, khi chúng ta sử dụng máy móc để sản xuất một cách rộng rãi... Máy sẽ giúp thêm tay cho người, làm cho sức người tăng lên gấp trăm, nghìn lần và giúp người làm những việc phi

thường”⁷. Muốn phát triển kinh tế, theo Hồ Chí Minh, sau khi có chủ trương, đường lối đúng thì lãnh đạo, tổ chức, quản lý kinh tế - xã hội có vai trò quyết định trực tiếp, Người yêu cầu: “Đảng cần có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống nhân dân”⁸.

Phát triển xã hội phải lấy văn hóa làm nền tảng để phát triển. Hồ Chí Minh luôn quan tâm tới văn hóa và có nhiều ý kiến sâu sắc về các lĩnh vực của văn hóa. Tại Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất năm 1946, Hồ Chí Minh khẳng định: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”. Đến Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 1948, Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định: Văn hóa soi đường cho sự phát triển và tiến bộ xã hội. Có thể khẳng định, luận điểm này văn hóa không chỉ thúc đẩy sự phát triển, sự tiến bộ xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của con người mà còn nhấn mạnh vai trò dẫn dắt của văn hóa trong sự phát triển quốc gia, thể hiện tầm nhìn của Hồ Chí Minh về PTXH.

Phát triển xã hội phải theo nguyên lý công bằng, bình đẳng, bảo đảm quyền cùng phát triển của tất cả thành viên trong xã hội mà không có tính loại trừ. Theo Hồ Chí Minh, xã hội phát triển trước hết là một xã hội có nền kinh tế và văn hóa phát triển cao làm cho đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được đảm bảo; chế độ dân chủ XHCN đảm bảo sự công bằng và bình đẳng làm cho người dân có điều kiện phát huy sáng kiến, phát triển những tiềm năng sẵn có của mình. Vì thế, Hồ Chí Minh yêu cầu: “Nhà nước ta phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của toàn dân để phát huy tính tích cực và sức sáng tạo của nhân dân”⁹. Về công bằng trong xã hội XHCN, theo Hồ Chí Minh không chỉ ở việc phân phối theo nguyên tắc lao động mà còn thể hiện ở chỗ “những người già yếu hoặc tàn tật sẽ được nhà nước giúp đỡ chăm nom”, “Mình muốn ăn no mặc ấm, cũng cần làm cho tất cả mọi người được ăn no mặc ấm”¹⁰. Phải đảm bảo quyền cùng phát triển của mọi thành viên trong xã hội: “Làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu thêm”¹¹.

Phát triển xã hội phải trên quan điểm bình đẳng về cơ hội cho tất cả mọi người, bảo đảm hài hòa giữa quyền lợi và nghĩa vụ, trách nhiệm và hưởng thụ. Cơ hội phát triển có được là nhờ mở rộng và

nâng cao chất lượng của hệ thống phúc lợi xã hội, tạo nền tảng cho con người phát triển toàn diện, nhất là đối với giáo dục, văn hoá, y tế, việc làm, nhà ở, trợ giúp xã hội. Quan điểm và những chính sách xóa mù chữ, tập hợp trí thức trong nước và trí thức người Việt Nam ở nước ngoài trở về xây dựng đất nước, xây dựng nền giáo dục quốc dân phục vụ sự nghiệp “trồng người” đã thể hiện tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh.

Phát triển xã hội và quản lý PTXH có mối quan hệ chặt chẽ với phát triển và quản lý phát triển các lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm tạo nên sự phát triển đồng bộ, toàn diện, hài hoà, bền vững. Theo đó, việc nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về PTXH, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội là một yêu cầu có tính nguyên tắc trong quản lý PTXH ở Việt Nam.

2. Thực tiễn phát triển xã hội, bảo đảm công bằng xã hội tạo động lực thúc đẩy đất nước phát triển nhanh và bền vững

Đảng, Nhà nước luôn nhất quán quan điểm coi và đặt con người ở vị trí trung tâm, là chủ thể, mục tiêu, động lực, nguồn lực để phát triển đất nước. Do đó, việc bảo đảm công bằng, bình đẳng trong hưởng thụ thành quả phát triển luôn được nghiên cứu, cụ thể hóa trong từng chính sách, kế hoạch phù hợp với từng giai đoạn phát triển cụ thể của đất nước; trong giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Công bằng, bình đẳng trong hưởng thụ còn bao hàm nội dung bảo đảm cuộc sống ấm no, ổn định của mọi thành viên trong xã hội, đặc biệt là đối với nhóm người yếu thế đời sống còn nhiều khó khăn; tạo điều kiện để nhân dân được hưởng thụ thành quả của sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước theo nguyên tắc bảo đảm tính toàn dân, toàn diện, hiện đại, bao trùm.

Đại hội VI, Đảng ta đã xác định: “Cần thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”¹². Đại hội Đảng lần thứ IX đến Đại hội XI, Đảng ta luôn nhất quán và nhấn mạnh quan điểm “phát triển toàn diện”, và

xác định: “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân”¹³. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta khẳng định: “Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách”¹⁴.

Các kỳ Đại hội XII, XIII của Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm quản lý PTXH phải hướng tới PTXH bền vững. Theo đó, các chính sách phát triển phải bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế gắn với nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, bảo đảm để Nhân dân được hưởng thụ thành quả của công cuộc đổi mới ngày một tốt hơn. Văn kiện Đại hội XIII chỉ rõ: “Quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội”¹⁵. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, dựa trên nền tảng lợi ích chung của toàn xã hội hài hoà với lợi ích chính đáng của con người”¹⁶. Theo đó: “Không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần”¹⁷. Đó cũng chính là những giá trị đích thực, nhất quán của Đảng ta khi vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội cho người dân trong những điều kiện, giai đoạn cụ thể của đất nước, khẳng định bản chất tốt đẹp của chế độ ta.

Qua gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đã vượt qua tình trạng kém phát triển để trở thành quốc gia đang phát triển với thu nhập trung bình, tốc độ phát triển kinh tế khá cao (khoảng 6%/năm); nếu quy mô GDP Việt Nam (năm 1986) khoảng 8 tỷ USD thì đến năm 2023 tăng lên 430 tỷ USD, tăng khoảng 50 lần, đứng thứ 35 trong số 40

nước có quy mô kinh tế hàng đầu thế giới. Nếu năm 1988, Việt Nam chỉ đạt dưới 100 USD/người, nằm trong nhóm nước có mức GDP bình quân đầu người thấp nhất thế giới; thì đến giai đoạn 2010-2023 liên tục tăng, năm 2010 đạt 1.614 USD/người, năm 2023 đã đạt mức 4.284 USD/người¹⁸. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện rõ rệt; nền kinh tế tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện và hiệu quả; kinh tế vĩ mô ổn định khá vững chắc; lạm phát được kiểm soát và duy trì ở mức thấp. Cơ cấu nền kinh tế chuyển đổi gắn với mô hình tăng trưởng hiện đại, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của đất nước. Tuổi thọ trung bình của người dân là khoảng 73,7 tuổi - cao hơn so với trung bình chung của thế giới; chỉ số HDI của Việt Nam thay đổi từ 0,492 (năm 1990) còn ở vị trí tương đối thấp trong bảng xếp hạng, lên 0,726 (năm 2022), tăng gần 50% và thuộc nhóm các nước có trình độ phát triển con người cao; Việt Nam đã làm tốt ở 2/3 khía cạnh về Chỉ số bất bình đẳng giới, như tiếp cận giáo dục và tham gia lực lượng lao động¹⁹. Năm 2023, điều kiện sống của hộ gia đình tiếp tục được cải thiện; tỷ lệ hộ nghèo là 3,4%, giảm 0,8 điểm % so với năm 2022; cơ cấu thu nhập chuyển dịch theo hướng ngày càng tiến bộ hơn; hệ số GINI (theo thu nhập) của Việt Nam năm 2023 là 0,374, giữ ở mức bất bình đẳng trung bình²⁰.

Các chính sách xã hội (CSXH) không ngừng được hoàn thiện theo hướng hiện đại, bao trùm, tiến bộ và công bằng. Đến nay, hệ thống CSXH đã cơ bản hoàn thiện, từng bước tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế, góp phần phát triển kinh tế, ổn định chính trị và trật tự xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. CSXH ngày càng khẳng định vai trò nòng cốt, thiết yếu trong phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro của người dân trong cuộc sống. Người có công với cách mạng được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội đặc biệt quan tâm, đầu tư và được thực hiện tốt nhất trong các CSXH. Các loại hình bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp từng bước mở rộng diện bao phủ, tăng cơ hội cho người dân tham gia, thụ hưởng và trở thành trụ cột quan trọng trong hệ thống an sinh xã hội. Hệ thống các dịch vụ xã hội được tăng cường, bảo đảm quyền học tập, y tế, nhà ở, việc làm, nước sạch và thông tin truyền thông của nhân dân²¹. Đến nay, trên 95%

người lớn biết đọc biết viết, 63/63 tỉnh thành đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; 21/63 tỉnh thành đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học cấp độ 3²². Cạnh đó, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có xu hướng tăng đều qua các năm, nhất là lao động có tay nghề cao đáp ứng yêu cầu mới của khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo. Hệ thống y tế và bảo vệ sức khỏe nhân dân được tăng cường, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người cao tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí; công tác trợ giúp xã hội hỗ trợ kịp thời người dân khi gặp rủi ro, thiên tai, dịch bệnh; nguồn lực cho an sinh xã hội, phúc lợi xã hội được mở rộng và huy động ngày càng lớn... Người dân được hưởng thụ thành quả phát triển đất nước một cách công bằng, bình đẳng và đã trở thành động lực của đổi mới, phát triển xã hội, góp phần nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên thế giới.

Tuy nhiên, việc thực hiện công bằng và bình đẳng trong hưởng thụ trong thực tế vẫn còn những bất cập nhất định: giảm nghèo chưa bền vững, các hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo thiếu sinh kế; nhóm lao động thu nhập thấp, không ổn định; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản còn hạn chế; lao động thiếu kỹ năng nghề nghiệp, khó tiếp cận việc làm. Mức trợ cấp xã hội tuy đã được nâng lên nhưng còn thấp. Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, đô thị hóa nhanh, già hóa dân số, tình trạng di cư, phân hóa giàu - nghèo, làm gia tăng bất bình đẳng về thu nhập và mức sống; sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ... đặt ra những thách thức lớn đối với việc bảo đảm công bằng trong thụ hưởng thành quả phát triển.

Chất lượng dịch vụ y tế chưa đồng đều; công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh và phát hiện bệnh sớm, quản lý và nâng cao sức khỏe người dân còn hạn chế; nguồn lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc, vật tư y tế còn nhiều bất cập; năng lực mạng lưới y tế cơ sở còn yếu; chất lượng dịch vụ y tế chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hệ thống cung cấp các dịch vụ xã hội, trợ giúp xã hội chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhân dân; số lượng, chất lượng các dịch vụ xã hội cơ bản tại vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế khó khăn còn khiêm tốn.

Các văn bản pháp luật còn chưa đồng bộ; có nội dung chính sách, điều luật chưa đủ sức bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân.

3. Giải pháp tiếp tục nâng cao hiệu quả bảo đảm công bằng xã hội tạo động lực thúc đẩy phát triển đất nước phát triển nhanh, bền vững trong thời gian tới

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên nền tảng của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên nền tảng của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là con đường ngắn nhất giúp nền kinh tế nước ta phát triển nhanh, bền vững, bắt kịp trình độ phát triển với các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới. Đây được coi là nền tảng, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để xây dựng cơ sở kinh tế - vật chất nhằm từng bước hiện thực hóa các mục tiêu phát triển đất nước. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là phương thức phát triển thích hợp với nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên xây dựng nền tảng vật chất của CNXH. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, bằng tư duy và cách tiếp cận mới, Đảng ta khẳng định: “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số... phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”²³. Đặc trưng cơ bản, thuộc tính riêng có về định hướng XHCN của nền KTTT ở nước ta là: “Gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”²⁴. Đó là sự quan tâm đặc biệt đối với con người, phát triển hài hòa giữa kinh tế với xã hội, không vì tăng trưởng kinh tế mà coi nhẹ tiến bộ, công bằng xã hội; nhân dân được bình đẳng trong thụ hưởng thành quả phát triển, tạo động lực nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động.

Hai là, giảm nghèo bền vững và kiểm soát phân tầng xã hội

Giảm nghèo bền vững là một trong những chủ trương, chính sách lớn xuyên suốt của Đảng và Nhà nước, nhằm nâng cao đời sống nhân dân, rút ngắn

tình trạng phân hóa giàu nghèo giữa các vùng, miền, địa phương trên phạm vi cả nước, thể hiện tính đúng đắn của CSXH, tính nhân văn của chế độ XHCN. Quan điểm, chủ trương của Đảng về xóa đói giảm nghèo được thể hiện rất rõ trong các Văn kiện của Đảng qua các thời kỳ, ngày càng sâu rộng, toàn diện hơn. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, xác định: “Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bao trùm, nhất là khu vực đông bào dân tộc thiểu số...; hạn chế bất bình đẳng xã hội”²⁵. Những thành tựu trong công tác xóa đói giảm nghèo ở nước ta trong những năm qua được Nhân dân ghi nhận, cộng đồng quốc tế đánh giá cao, góp phần tạo động lực, niềm tin cho việc tiếp tục đẩy mạnh, phát triển bền vững đất nước, gắn phát triển kinh tế với công bằng xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế công tác giảm nghèo vẫn còn những hạn chế, bất cập cần khắc phục, đó là: “Giảm nghèo chưa bền vững, chưa có biện pháp hữu hiệu để xử lý vấn đề phân hóa giàu - nghèo, gia tăng bất bình đẳng về thu nhập...”²⁶. Phân hoá giàu nghèo nếu không kiểm soát tốt sẽ dẫn đến phân tầng xã hội ngày càng lớn; thực tế cho thấy, nhóm giàu thường được hưởng lợi nhiều hơn và nhanh hơn so với nhóm nghèo về hưởng thụ thành quả phát triển; cùng với tệ tham nhũng, tiêu cực, phân hoá giàu nghèo có tác động trực tiếp đến bất bình đẳng xã hội. Theo đó, kiểm soát phân tầng xã hội góp phần quan trọng thực hiện bình đẳng trong hưởng thụ thành quả phát triển.

Ba là, thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm công bằng về cơ hội phát triển

Thực hiện tốt CSXH sẽ giải quyết được những vấn đề xã hội đặt ra, nhằm bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và tạo cơ hội cho người dân hòa nhập vào sự phát triển xã hội. CSXH phù hợp, công bằng vì con người vừa là nguồn lực, vừa là động lực mạnh mẽ phát huy mọi khả năng sáng tạo của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, CSXH đã được tiếp cận theo hướng chuyển từ bảo đảm và ổn định sang ổn định và phát triển xã hội; gắn với quản lý, PTXH bền vững, nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người và an ninh xã hội. Đổi mới, nâng cao chất lượng CSXH theo

hướng ngày càng hoàn thiện, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững, không để ai bị bỏ lại phía sau; lấy chăm lo cho con người, vì con người, đặt con người ở vị trí trung tâm, là mục tiêu, chủ thể, nguồn lực phát triển bền vững đất nước.

Bốn là, thực hiện tốt chính sách trợ giúp xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho các đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương

Đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, giúp đỡ, tùy theo điều kiện kinh tế xã hội của đất nước và mức sống tối thiểu của dân cư địa phương mà chính sách này có sự điều chỉnh, thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế. Chế độ trợ giúp xã hội được thực hiện theo nguyên tắc “kịp thời, đầy đủ, công bằng, minh bạch, công khai”, trợ cấp theo mức độ khó khăn và tính cấp bách của từng đối tượng được hưởng trợ cấp. Trong thời gian qua, đối tượng hưởng chính sách trợ cấp xã hội được mở rộng, tăng độ bao phủ, nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội. Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tế, hệ thống trợ giúp xã hội chưa đáp ứng tốt các nhu cầu của nhân dân; mức độ tác động đến chất lượng cuộc sống của đối tượng bảo trợ xã hội còn khiêm tốn; tài chính để thực hiện chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Theo đó, việc hoàn thiện mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội; xây dựng đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp; đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội; quản lý, sử dụng quỹ bảo trợ xã hội hiệu quả, đúng pháp luật là yêu cầu cấp thiết cần giải quyết.

Năm là, nâng cao hiệu quả thực thi các chính sách xã hội bảo đảm công bằng, bình đẳng trong hưởng thụ thành quả phát triển

Tiếp tục quán triệt đầy đủ và đẩy mạnh việc thể chế hoá các định hướng, quan điểm, chủ trương của Đảng về CSXH vào thực tiễn đời sống xã hội. Các CSXH, các nội dung PTXH phải có vị trí xứng đáng, đầu tư thỏa đáng trong các mục tiêu, chương trình, kế hoạch, báo cáo, giải trình của quốc gia, địa phương, cơ quan, đơn vị, ban, bộ, ngành. Cùng với đó là việc kiện toàn bộ máy làm công tác xã hội tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; tiếp tục vận

Xem tiếp trang 38

địch trong giảng dạy Chính trị học ở Việt Nam bắt nguồn từ chức năng, nhiệm vụ của môn học này trong hệ thống giáo dục quốc dân. Trong quá trình giảng dạy *Chính trị học*, giảng viên không chỉ trang bị cho người học kiến thức về khoa học chính trị mà còn phải rèn luyện cho họ kỹ năng phản biện, hình thành thái độ khách quan, khoa học để nhận diện, phê phán và bác bỏ những luận điểm sai trái, thù địch, vì bảo vệ những luận điểm khoa học và cách mạng về chính trị cũng chính là bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Để làm được điều này có hiệu quả, đòi hỏi, mỗi cán bộ, giảng viên chính trị học một mặt, phải đứng vững trên lập trường, quan điểm và sử dụng nhuần nhuyễn phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước trong nghiên cứu, giảng dạy *Chính trị học*. Mặt khác, cần nắm vững những quan điểm, luận điểm - nhất là những quan điểm, luận điểm mác-xít có tính nền tảng về chính trị, cùng những tri thức, thành tựu mới của khoa học chính trị trong nước và trên thế giới để kiên quyết, dũng cảm đấu tranh phê

phán, bác bỏ các quan điểm sai trái thù địch, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- 1, 5, 8, 10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t. 1, Nxb CTQG - ST, H, 2021, tr.183; tr. 175; tr. 165, 173; tr. 238.
2. Nguyễn Xuân Thắng: *Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK3lGf/content/tang-cuong-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-dau-tranh-phan-bac-cac-quan-diem-sai-trai-thu-dich-trong-tinh-hinh-moi, 2021.
- 3, 4. C.Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1995, t. 17, tr. 552; t. 4, tr. 628.
6. Phạm Duy Đức: *Về xây dựng văn hóa Đảng hiện nay*, Tạp chí Thông tin Văn hóa và Phát triển, số 3 (2 - 2005).
7. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu học tập và một số chủ trương của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI*, Nxb CTQG, H, 2014, tr. 20.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, t. 1, Nxb CTQG - ST, H, 2011, tr. 238.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI...

Tiếp theo trang 19

dụng, áp dụng các chỉ số đo lường, đánh giá về xã hội, PTXH đồng bộ, thống nhất ở các cấp. Có chế độ, chính sách ghi nhận, tôn vinh, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có đóng góp, làm tốt CSXH; đồng thời xử lý nghiêm những trường hợp né tránh, đùn đẩy, tham nhũng, tiêu cực trong thực hiện CSXH, giải quyết các vấn đề xã hội.

- 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, t. 12, tr. 221; t. 13, tr. 438; t. 10, tr. 593; t. 12, tr. 604; t. 9, tr. 518; t. 13, tr. 66; t. 12, tr. 445; tr. 612; tr. 376; t. 10, tr. 593; t. 5, tr. 81.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, toàn tập*, t. 47, Nxb CTQG, H, 2006, tr. 420.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập* (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI), Nxb CTQG - ST, H, 2013, tr. 738.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011).

- 15, 23, 25, 26. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t. 1, Nxb CTQG - ST, H, 2021, tr. 147 - 148, tr. 214, 265, 85.
- 16, 17, 24. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb CTQG - ST, H, 2022, tr. 21, 22, 92.
18. <https://vneconomy.vn/gdp-binh-quan-dau-nguoinolu-c-dat-muc-tieu-de-ra.htm>.
19. <https://dangcongsan.vn/thoi-su/viet-nam-nam-trong-nhom-cao-ve-chi-so-phat-trien-con-nguoi-hdi-661241.html>.
20. [https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2024/04/thong-cao-bao-chi-ket-qua-khao-sat-muc-song-dan-cu-nam-2023/#:~:text=H%E1%BB%87%20s%E1%BB%91%20GINI%20\(theo%20thu,\(0%2C370%20so%20v%E1%BB%9Bi%200%2C345\)](https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2024/04/thong-cao-bao-chi-ket-qua-khao-sat-muc-song-dan-cu-nam-2023/#:~:text=H%E1%BB%87%20s%E1%BB%91%20GINI%20(theo%20thu,(0%2C370%20so%20v%E1%BB%9Bi%200%2C345)).
21. Kết luận số 92-KL/TW ngày 05-11-2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020.
22. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/827488/thuc-hien-tien-bo%2C-cong-bang-xa-hoi-gop-phan-hien-thuc-hoa-ban-chat-tot-dep-cua-a-che-do-xa-hoi-chu-nghia-o-viet-nam.aspx>.